

**BỘ BƯU CHÍNH,
VIỄN THÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 12/2005/QĐ-BBCVT

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2005

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG
ban hành cước dịch vụ thuê kênh viễn thông quốc tế của
Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam áp dụng
cho các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ kết nối
Internet (IXP) thuê để kết nối Internet quốc tế

BỘ TRƯỞNG BỘ BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG

Căn cứ Nghị định số 90/2002/NĐ-CP ngày 11/11/2002 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Bộ Bưu chính, Viễn thông;

Căn cứ Quyết định số 217/2003/QĐ-TTg ngày 27/10/2003 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý giá cước các dịch vụ bưu chính, viễn thông;

Xét đề nghị của Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam tại Công văn số 27/GCTT-HĐQT ngày 28/01/2005 về phương án giảm cước thuê kênh;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành cước thuê kênh viễn thông quốc tế của Tổng Công ty Bưu

chính Viễn thông Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ kết nối Internet (IXP) thuê để kết nối Internet quốc tế như sau:

1. Chi phí đầu nối, cài đặt ban đầu do Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam quy định.

2. Cước thuê kênh theo tháng (đầu phía Việt Nam - half circuit).

Tốc độ kênh	Mức cước (USD/tháng)
2 Mb/s	7.384
34 Mb/s	75.052
45 Mb/s	110.077
155 Mb/s	246.265

2.1. Cước thuê kênh đường dài liên tỉnh (nếu có): Áp dụng theo bảng cước thuê kênh viễn thông liên tỉnh.

2.2. Cước thuê kênh nội tỉnh (bao gồm cả phân truyền dẫn nội hạt):

2.2.1. Đối với 03 thành phố Hà Nội, Hồ Chí Minh và Đà Nẵng, chia thành 02 mức:

2.2.1.1. Không quá 85% mức cước cùng tốc độ (mức cước 1) bảng cước thuê kênh riêng nội hạt đối với trường hợp điểm kết cuối của khách hàng nằm trong khu vực các quận nội thành;

2.2.1.2. Không quá 85% mức cước cùng tốc độ (mức cước 2) bảng cước thuê kênh riêng nội hạt đối với các trường hợp kết cuối của khách hàng nằm tại các huyện ngoại thành.

2.2.2. Đối với các tỉnh, thành phố còn lại chia thành 02 mức:

2.2.2.1. Không quá 50% mức cước cùng tốc độ (mức cước 1) bảng cước thuê kênh riêng nội tỉnh đối với trường hợp điểm kết cuối nằm trong khu vực thành phố, thị xã là tỉnh lỵ của tỉnh, các quận nội

thành của thành phố trực thuộc Trung ương.

2.2.2.2. Không quá 50% mức cước cùng tốc độ (mức cước 2) bảng cước thuê kênh riêng nội tỉnh đối với các trường hợp còn lại.

3. Các mức cước trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng - VAT.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ BƯU CHÍNH,
VIỄN THÔNG

Thứ trưởng

Lê Nam Thắng